

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HS-PT

Ngày: 25/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Biều.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Phụng và Nguyễn Nam Thắng.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Như Hòa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:
Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2023/TLPT-HS ngày 03/4/2023 đối với bị cáo Vũ Ngọc S, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 24/02/2023 của Toà án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Ngọc S, sinh năm 1957. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 7/10. Chức vụ: Không. Họ và tên bố: Vũ Ngọc Dao (đã chết). Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Thuận (đã chết). Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là bà Lê Thị Vân, sinh năm 1962. Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Không. (Ngày 25/6/2001, Vũ Ngọc S được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang). Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Lê Văn H, sinh năm: 1956; Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh H. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo: Anh Lê Văn Hưng, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/5/2022, Vũ Ngọc S đang ở nhà, thì thấy ông Lê Văn H ở cùng thôn đang dùng búa bở củi bở cánh cửa đã cũ hỏng của gia đình S để bên rìa đường đối diện nhà S, nên S đã cầm theo 01 con dao rựa có chuôi bằng gỗ dài 10cm, thân dao bằng kim loại dài 25cm, bản rộng 07cm đi ra chỗ ông H (S khai đang sử dụng dao để sửa cửa trong nhà S). Hai bên có lời qua tiếng lại rồi xảy ra xô sát. Trong lúc xô sát, Vũ Ngọc S đã cầm con dao nêu trên bằng tay trái chém 01 nhát từ trên xuống, từ trái qua phải trúng vào khuỷu tay phải ông H, sau đó S bỏ đi vào trong nhà. Còn ông H được bà Chu Thị X ở cùng thôn sơ cứu rồi được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa Phố Nối. Đến ngày 20/5/2022 ra viện với tình trạng tạm ổn định.

Tại Bệnh án ngoại khoa chấn thương số lưu trữ 022240069 của Bệnh viện đa khoa Phố Nối xác định: ông Lê Văn H vào viện hồi 15 giờ 58 phút ngày 10/5/2022 với thương tích “Vết thương mồm khuỷu phải, bờ sắc gọn, lộ xương mồm khuỷu vỡ phần đứng mồm khuỷu, rỉ nhiều máu”. Hội chẩn kết luận: “Vết thương vỡ mồm khuỷu, rạn đài quay tay phải”. Điều trị: Phẫu thuật xử trí theo tổn thương. Phiếu phẫu thuật/thủ thuật: kiểm tra vết thương mặt sau ngoài khuỷu phải có vết thương 05cm, mở lồi cầu ngoài cánh tay, mở đài quay, đứt một phần gân cơ tam đầu; tiến hành làm sạch ổ gãy; xuyên 01 đinh đài quay; xuyên 02 đinh lồi cầu ngoài cánh tay; khâu nối gân cơ, cầm máu. Đến ngày 20/5/2022 tạm ổn định, ra viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 4188/KL-KTHS ngày 29/7/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đối với ông Lê Văn H xác định:

- Kết quả chính: Sẹo mặt sau ngoài 1/3 dưới cánh tay xuống 1/3 trên cẳng tay kích thước 12cm x (0,1 - 0,2)cm; Mẻ lồi cầu ngoài xương cánh tay phải, không ảnh hưởng đến khớp; Vỡ thân xương quay phải, không di lệch, can liền tốt, không teo cơ;

- Kết luận: Sẹo mặt sau ngoài 1/3 dưới cánh tay xuống 1/3 trên cẳng tay kích thước trung bình: 02%; Mẻ lồi cầu ngoài xương cánh tay phải, không ảnh hưởng đến khớp: 03%; Vỡ thân xương quay phải, không di lệch, can liền tốt, không ngăn chi, không teo cơ: 06%. Xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Lê Văn H tại thời điểm giám định là: 11%;

- Cơ chế hình thành: Tổn thương vùng khuỷu của ông Lê Văn H do vật sắc gây nên.

Ngày 15/8/2022, ông Lê Văn H có đơn yêu cầu khởi tố đối với Vũ Ngọc S về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về vật chứng thu giữ: Ngày 10/5/2022, Vũ Ngọc S đã tự nguyện giao nộp cho Công an xã Đ, huyện Y 01 con dao rựa có chuôi bằng gỗ dài 10cm, thân dao bằng kim loại dài 25cm, bản rộng 07cm. Sau đó được bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện Y. Hiện đang được quản lý tại Kho vật chứng của Công an huyện Y.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Vũ Ngọc S cùng gia đình đến xin lỗi và xin bồi thường cho ông Lê Văn H, nhưng do chưa thỏa thuận được mức bồi thường, nên đến nay ông Lê Văn H tiếp tục yêu cầu Vũ Ngọc S phải bồi thường tổng số 85.187.760 đồng (trong đó có chứng từ gồm: Tiền viện phí 1.929.880 đồng; Tiền thuốc 57.880 đồng).

Quá trình điều tra Vũ Ngọc S khai do bức tức việc ông H tự ý bỏ cánh cửa của gia đình S và sẵn có dao trong tay nên S đã chém gây thương tích cho ông H. Trong giai đoạn truy tố, Vũ Ngọc S lại khai S bị ông Lê Văn H dùng búa bổ S, nhưng S tránh được và bỏ chạy thì chẳng may dao trong tay S vung vào tay ông H, chứ S không cố ý chém ông H. Tuy nhiên, bằng các tài liệu chứng cứ đã thu thập đủ cơ sở xác định vết thương nêu trên của ông Lê Văn H là do Vũ Ngọc S dùng dao chém gây nên.

Tại Cáo trạng số 04/CT -VKS - YM ngày 27 tháng 12 năm 2022, của VKSND huyện Y truy tố bị cáo Vũ Ngọc S về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HSST ngày 24/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự và Điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc S phạm tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt: bị cáo Vũ Ngọc S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đồng Than quản lý và giám sát trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Ngọc S phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Văn H số tiền là 31.470.208 đồng (*Ba mươi một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn hai trăm linh tám đồng*) được trừ với số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) bị cáo S tự nguyện nộp bồi thường khắc phục trước xét xử theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005555 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ. Buộc bị cáo S phải bồi thường tiếp cho ông H số tiền 21.470.208 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn hai trăm linh tám đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn Quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 10/03/2023, bị cáo Vũ Ngọc S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường. Ngày 08/3/2023, bị hại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Vũ Ngọc S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường cho bị cáo.

Bị hại giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu tăng hình phạt và tăng mức bồi thường đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, điều kiện nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức độ lỗi của bị hại, xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Ngọc S về tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vũ Ngọc S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Văn H số tiền là 31.470.208 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số

09/2023/HSST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị cáo Vũ Ngọc S và bị hại Lê Văn H kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Ngọc S khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai trước cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/5/2022, tại thôn T, xã Đ, huyện Y, Vũ Ngọc S đã có hành vi dùng con dao rựa có chuôi bằng gỗ dài 10cm, thân dao bằng kim loại dài 25cm, bản rộng 07cm là hung khí nguy hiểm chém gây thương tích ở tay phải của ông Lê Văn H, với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 11%.

Bởi hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Ngọc S về tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại Hội đồng xét xử, xét thấy:

3.1. Đối với kháng cáo của bị cáo và bị hại về mức hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã nộp tiền bồi thường cho người bị hại để khắc phục một phần thiệt hại đã gây ra; bị cáo tham gia quân đội trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế tại nước Lào, được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, là người có công với cách mạng; bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được

địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận và đề nghị và trong vụ án này bị hại cũng có lỗi một phần. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, là người có công với cách mạng và là người cao tuổi (67 tuổi), sức khỏe yếu hiện đang điều trị bệnh Parkinson và đái tháo đường, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo và bị hại đều không xuất trình được các tình tiết mới chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại cũng như kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

3.2. Đối với kháng cáo về phần bồi thường của bị cáo và bị hại:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào thiệt hại thực tế, căn cứ Điều 590 Bộ luật Dân sự để tính xem xét mức và các khoản bồi thường gồm: Chi phí điều trị và tiền thuốc, tiền thuê xe đi lại, tiền tổn thất tinh thần, tiền công lao động trong thời gian điều trị và phục hồi sức khỏe với tổng số tiền là 39.337.760 đồng, Do bị hại cũng có một phần lỗi nên phải chịu 20% thiệt hại của mình gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền là 31.470.208 đồng là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, bị hại không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Bị cáo cũng không đưa ra được khoản tiền nào mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là không hợp lý, không đúng với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo tăng mức bồi thường của bị hại và kháng cáo đề nghị giảm mức bồi thường của bị cáo đều không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nộp 02 biên lai thu tiền gồm: Bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005559 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên để nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và nộp số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005527 ngày

23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh H để bồi thường tiếp cho bị hại ông Lê Văn H.

[4]. Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 343; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Ngọc S và bị hại ông Lê Văn H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

Căn cứ: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Ngọc S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Ngọc S cho UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Vũ Ngọc S phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Văn H số tiền là 31.470.208 đồng (*Ba mươi một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn hai trăm linh tám đồng*) được trừ với số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) bị cáo Vũ Ngọc S tự nguyện nộp bồi thường khắc phục trước xét xử theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005555 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Buộc bị cáo Vũ Ngọc S phải bồi thường tiếp cho ông Lê Văn H số tiền 21.470.208 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn hai trăm linh tám đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu bị cáo không thi hành án về khoản bồi thường thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận bị cáo Vũ Ngọc S đã nộp bồi thường tiếp cho bị hại ông Lê Văn H số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005527 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh H và đã nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005559 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh H.

3. Về án phí: Bị cáo Vũ Ngọc S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; 1.073.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải Thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV – CA tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện Yên Mỹ (2);
- VKSND huyện Yên Mỹ;
- CA huyện Yên Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Yên Mỹ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP, Tòa HC./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Biểu

